**KẾ HOACH DẠY HỌC TUẦN 8**

*Ngày soạn:19/10/2021*

*Ngày giàng: Thứ hai ngày 25 tháng 10 năm 2021*

**Sinh hoạt dưới cờ: Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**-** HS biết đánh giá kết quả hoạt động.

**-** Giáo dục truyền thống nhân đạo của dân tộc “ Thương người như thể thương thân”.

**-** Biết chia sẻ, trình bày, hợp tác cùng các bạn.

**-** Rèn ý thức tự lực, tự chủ.

**II. Đồ dùng**

**-** GV: Loa đài,….

**-** HS: HS được phân công các tiết mục văn nghệ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 1. Chào cờ**  **-** Liên đội trưởng lên điều khiển lễ chào cờ, nhận xét thi đua.  **-** Tổng phụ trách đội nhận xét .  **-** BGH lên phổ biến công tác tuần mới.  **\* Hoạt động 2: Tuyên dương tấm gương Nhi đồng chăm ngoan.**  **-** Bước 1: Tổng kết:  + Số lượng đạt danh hiệu Sao nhi đồng chăm ngoan.  + Những thành tích nổi bật, hành động ấn tượng đáng học tập của những cá nhân, tập thể.  **-** Bước 2: Công bố giải thưởng của các Sao  **-** TPT đọc tên các Sao đạt thành tích xuất sắc lên sân khấu nhận quà lưu niệm.  + HT nhà trường lên trao tặng.  **-** TPT đội đọc tên những bạn có thành tích lên giao lưu với HS toàn trường.  **-** Các Sao nhi đồng chăm ngoan lên kể về những hành động tốt, yêu thương của mình và trả lời câu hỏi của các bạn trong trường.  **\* Hoạt động 3: Chơi trò chơi, dân vũ hoặc múa hát tập thể.**  **IV. ĐÁNH GIÁ:**  **-** GV phụ trách đánh giá ,nhận xét,tuyên dương các lớp có tinh thần hưởng ứng khi tham gia hoạt động.  **-** Nhận xét tinh thần, kỉ luật của các Sao. | **-** HS lắng nghe.  **-** Đại diện HS của các lớp.  **-** HS chia sẻ  **-** HS thực hiện.  **-**HS lắng nghe.  **-** HS thể hiện.  **-** HS chia sẻ. |

**Tiếng việt**

**Tiết 81+82: en, ên, in, un (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vần en, ên, in, un; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần en, ên, in, un; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần en, ên, in, un; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần en, ên, in, un.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần en, ên, in, un có trong bài học.

Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật, sự việc (bác bảo vệ, học sinh, đá bóng..) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về các tình huống cần nói lời xin lỗi (sơ ý đá quả bóng vào lưng bác bảo vệ).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông thú.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Bảng con, Tranh SGK.

2.HS: Bộ đồ dùng TV, bảng con.

**III.Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (5p)**  **1.1. Ôn và khởi động.**  - HS hát chơi trò chơi.  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ on - ôn – ơn.  - GV nhận xét. | - HS thực hiện.  -HS lắng nghe |
| **1.1**: **Nhận biết** |  |
| **-** Yêu cầu HS quan sát tranh và TLCH | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| +Em thấy gì trong tranh? | - Cún con chơi ở bãi cỏ, chăm chú nhìn dế mèn,.... |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +Tiếng có chứa âm en - ên - in - un? | - HS nêu và đọc các tiếng: cún, mèn |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm en - ên - in - un. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **2. Hoạt động Khám phá (15p): Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **2.1.Đọc vần: en - ên - in - un:** |  |
| - So sánh các vần: |  |
| +So sánh en - ên - in - un? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ên - in - un với en để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê, i, u. |
| - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: en - ên - in - un. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần en - ên - in - un. |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| - Đọc tiếng trong SHS. |  |
| **2.2. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng mèn? | Lấy chữ ghi âm m ghép trước en, thêm dấu huyền trên âm e ta được tiếng mèn. |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng.  Khèn sen nến nghển chín mịn cún ... |
| - Nhắc lại luật chính tả: | - Âm ngờ đứng trước e, ê, i. Ghi bằng chữ ngờ kép. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần en - ên - in - un với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần en - ên - in - un. |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| - Đọc từ ngữ. |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Ngọn nến, đèn pin, cún con |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +Tiếng nào chứa vần: en - ên - in - un? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần en - ên - in - un, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ. | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **3.2. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ: en - ên - in - un và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc từ e, ê, i, u với nét móc trong n và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con: en - ên - in - un, đèn, pin, nến, cún. |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |
| **TIẾT 2** | |
| **3.3. Viết vở (15p)** |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: en - ên - in - un, viết từ ngữ: đèn pin, nến, cún (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |
| **4. Hoạt động Vận dụng (15p)**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +Tiếng nào chứa vần en - ên - in - un? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa en - ên - in - un theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| + Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 2 câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |
| +Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chay thi với thỏ thì đã thắng? | - Trong một câu chuyện, rùa chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thi đã thắng. |
| +Rùa có dáng vẻ thế nào? | - Rùa có dáng vẻ già nua, ngắn ngủn. |
| + Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa? | - Con ba ba, nhìn qua, rất giống rùa. |
| +Vì sao tên gọi của con vật trong câu đố có nghĩa là “cha”? | - Tên của ba ba cũng có nghĩa là “cha" vì tiếng “cha” đồng nghĩa với “ba”, “bố”. |
| + Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số? | - Tên con vật có chứa chữ số, vi “ba ba” cỏ số 3 hay là số 33,.) |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **4.2Nói theo tranh.** |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |
| + Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ | - Nam và bạn đá bóng gắn cổng trường, quả bóng rơi vào lưng bác bảo vệ. |
| +Nam có lỗi không? | - Nam là người có lỗi. Nam phải xin lỗi bác. |
| +Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào? | - Có thể xin lỗi như sau: Cháu xin lỗi bản! Lần sau cháu không vô ý như thế nữa! |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm, đóng vai. | - HS thực hiện.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp. Nam đá bóng vào lưng bác bảo vệ. Bắc bảo vệ nhặt quả bóng và nói: Ổ! Một quả bóng! Nam nói lời xin lỗi. |
| - GV và HS nhận xét.  **\*Củng cố ,dặn dò :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm en - ên - in - un. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | - HS lắng nghe |

**TOÁN**

**Bài 22: LUYỆN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.Đồ dùng dạy học:**

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.

- Một số tình huống đơn giản đẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III.Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| A. Hoạt động khởi động  HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tể gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” đề ôn tập *Bảng cộng trong phạm vi 10.* |  |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). | - HS thực hiện |
| Bài 2  - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng trong phạm vi 10 để* tính). | - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả của mỗi phép tính. Chia sẻ trước lớp. |
| Bài 3  - Cho HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích họp trong mỗi dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà ghi sô 7 có các phép tính: 5 +2; 4+ 3 ;6+ 1 . | - HS thực hiện |
|  | - HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thế đặt vào mỗi ngôi nhà. |
| - GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |  |
| **Bài 4.** Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh.  a)Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 10, nghĩa là: Nếu chọn trước một số thì cần tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 10. Dựa vào *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm số còn lại. Ví dụ: Nếu chọn số 9 thì số còn lại là 1; nếu chọn số 5 thì số còn lại phải là 5. | Chia sẻ trong nhóm. |
| b) Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. | - Chia sẻ trước lớp. |
| *Vỉ dụ:* Trong hộp có 5 chiếc bút màu. Bạn Lan bỏ thêm vào 3 chiếc. Trong hộp có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu? |  |
| Thực hiện phép cộng 5 + 3 = 8. Có 8 chiếc bút màu.  Vậy phép tính thích hợp là 5 + 3 = 8. |  |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. |  |
| D.Củng cố, dặn dò  Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

TỰ NHIÊN XÃ HỘI

**BÀI 5. TRƯỜNG HỌC CỦA EM ( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên , địa chỉ của trường mình .

- Xác định được vị trí các khu vực , các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở trường học .

- Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ .

- Kể được tên các hoạt động chính ở trường học : nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .

- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ .

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về trường học , các thành viên và hoạt động trường học ,

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về trường học , hoạt động ở trường học .

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .

- Lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn khi ở trường . Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè , GV và các thành viên khác trong nhà trường .

.**II. CHUẨN BỊ:**

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .

-Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của trường học .

- Một số tình huống để HS thể hiện được tình cảm và cách ứng xử với thành viên trong nhà trường tốt nhất tình huống được thể hiện bằng kênh chữ và kênh hình ) .

- Giấy , bút màu , bản cam kết .

.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

**Các khu vực và các phòng trong trường học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động (3 phút)** | | |  | |
| - Ổn định:  - GV:  + Hãy nói tên trường và địa chỉ trường của em ,  + Em thích nhất điều gì ở trường ?  - Giới thiệu bài | | | - Hát  -HS trả lời  ­- Lắng nghe | |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)** | | |  | |
| **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI** | | |  | |
| **Hoạt động 1 : Tìm hiểu trường học của bạn Hà**  \* Mục tiêu  - Nói được tên các khu vực , các phòng và vị trí của chúng trong trường bạn Hà .- - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về trường học | | | | |
| *\* Cách tiến hành:* | | | |  |
| **Bước 1 : Làm việc theo cặp**  - HS quan sát các hình ở trang 34 , 35 trong SGK để trả lời các câu hỏi :  + Trường học của bạn Hà có những khu vực nào , phòng học nào ?  + Chúng ở đâu ?  **Bước 2 : Làm việc cả lớp**  **-**GV yêu cầu HS trình bày kết quả    - GV cùng HS nhận xét , bổ sung câu trả lời | | | | -HS quan sát  -HS tìm hiểu và làm việc theo cặp  -Đại diện trình bày kết quả  -Trường học của bạn Hà có sân trường , vườn trường , khu vệ sinh và nhiều phòng : phòng học , phòng ban giám hiệu , phòng hội đồng , phòng truyền thống , phòng y tế ở tầng 1 , ... |
|  | | | |  |
| \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời. | | | |  |
| **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG** | | | | |
| **Hoạt động 2 : Giới thiệu về trường học của mình**  \* Mục tiêu  - Nói được tên các khu vực , các phòng và vị trí của chúng trong trường của mình ,  - Kể được tên một số đồ dùng có ở trường minh .  - Đặt được các câu hỏi đơn giản để tìm hiểu về trường học của mình . | | | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc cả lớp*  - GV cho HS đi tham quan trường : các khu vực trước sân trường , vườn trường , khu vệ sinh , ... ) , sau đó lần lượt đến các phòng . Đến mỗi nơi , HS tìm hiểu xem có đồ dùng gì ?  *Bước 2 : Làm việc nhóm 6*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi :  + Trường em có những khu vực và phòng nào ?  + Kể tên một số đồ dùng có ở trường em .  - HS có thể làm cầu 1 , 2 của Bài 5 ( VBT ) .  *Btrớc 3 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét , bổ sung . GV bình luận , hoàn thiện phần trình bày các nhóm .  - GV hỏi : Các em làm gì để giữ gìn đồ dùng có ở trường ?  - GV cùng HS bổ sung , hoàn thiện câu trả lời . | -HS xếp đôi đi tham quan  **-**HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi :  **-**HS làm vào vở Bài tập  -Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước lớp .  **-HS trả lời:** Với bàn ghế – lau chùi , không viết , vẽ bẩn , không đứng lên ; với đồ điện như quạt thì phải bật , tắt đúng cách ; với vòi nước , khi không sử dụng thì khoá vòi ; ... | | | |
|  |  | | | |
|  |  | | | |
| - GV kết hợp với HS nhận xét |  | | | |
| **TIẾT 2**  **Một số hoạt động chính ở trường học** | | | | |
| **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI** | | | | |
| **Hoạt động 3 : Tìm hiểu các hoạt động ở trường**  \* Mục tiêu  - Kể được tên một số hoạt động chính ở trường .  - Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ .  - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình , đặt câu hỏi về các hoạt động trường . | | | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo cặp* .  - Yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 36 , 37 trong SGK để trả lời các câu hỏi :  + Nói về một số hoạt động ở trường học trong các hình 1 - 4 trang 36 ( SGK ) .  + Những hoạt động nào trong các hình 1 -4 trang 37 ( SGK ) không an toàn cho bản thân và người khác ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  *-*GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV cùng HS nhận xét bổ sung | | - HS quan sát.  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.  -Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp  - Một số hoạt động thể hiện là an toàn ở các hình : chào cờ ở sân trường , thảo luận nhóm trong lớp , làm việc trong thư viện , chăm sóc cây ở vườn trường , hoạt động đuổi nhau ở cầu thang , hoạt động du cành cây là không an toàn cho bản thân và người khác . | | |
|  | |  | | |
| LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG | |  | | |
| ***Hoạt động 4 : Giới thiệu các hoạt động ở trường mình***  Mục tiêu  - Giới thiệu được một số hoạt động ở trường ; nếu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .  - Biết cách trình bày ý kiến của mình , đặt câu hỏi về hoạt động ở trường mình . | | | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm 4*  - GV yêu cầu HS :  + Kể về một số hoạt động diễn ra ở trường mình .  + Em thích tham gia vào những hoạt động nào ? Vì sao ?  + Ở trường , em nên chơi những trò chơi nào để đảm bảo an toàn ? Vì sao ? | | -HS thảo luận theo nhóm 4  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm. | | |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - Yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  -- GV cùng HS theo dõi, bổ sung  - Yêu cầu HS làm cầu 3 của Bài 5 ( VBT ) .  GV hướng HS đến thông điệp : “ Đến trưởng thật vui và học thêm nhiều điều thú vị ” . | | - Lần lượt đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.  - HS nhận xét nhóm bạn  -HS làm BT | | |

*Ngày soạn:19/10/2021*

*Ngày giàng: Thứ ba ngày 26 tháng 10 năm 2021*

**Tiếng việt**

Tiế**t 83+ 84:am, ăm, âm ( 2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng vần am, âm, ăm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần am, âm, ăm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần am, âm, ăm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần am, âm, ăm.

- Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần am, âm, ăm có trong bài học. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm: Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm. Phát triển kĩ năng giao tiếp.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**II.** **Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Tranh SGK, bảng con

2. HS. Bảng con, phấn.

**III.** **Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động Khởi động (5p)**  **1. 1. Ôn và khởi động**  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ on - ôn – ơn.  - GV nhận xét | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe |
| **1.2. Nhận biết** |  |
|  | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| + Em thấy gì trong tranh? | - Có một chú nhện. Chú nhện chăm chú nhìn tấm lưới do mình dệt ra. Tấm lưới rất đẹp.. |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| + Tiếng có chứa âm am - ăm - âm? | - HS nêu và đọc các tiếng: ngắm, tấm, làm. |
| - GV giới thiệu chữ ghi âm am - ăm - âm. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **2. Hoạt động Khám phá (15p):Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **1.1. Đọc vần: am - ăm - âm:** |  |
| - So sánh các vần: |  |
| + So sánh am - ăm - âm? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ăm - âm với am để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, ă, â. |
| -GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: am - ăm - âm. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần am - ăm - âm. |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| - Đọc tiếng trong SHS. |  |
| **2.2.Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng làm? | Lấy chữ ghi âm l ghép trước am, thêm dấu huyền trên âm a ta được tiếng làm. |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SKG. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần am - ăm - âm với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần am - ăm - âm. |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **3. Hoạt động Luyện tập (15p)**  **3.1.Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Quả cam, tăm tre, củ sâm |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +Tiếng nào chứa vần: am - ăm - âm? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần am - ăm - âm, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| -Đọc lại các tiếng, từ ngữ. | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **3.2. Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ: am - ăm - âm và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, ă, â với nét móc trong m và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con: am - ăm - âm, tăm, sâm |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |
| **TIẾT 2** | |
| **3.3.Viết vở. (15p)** |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: am - ăm - âm, viết từ ngữ: tăm tre, củ sâm chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |
| **4. Hoạt động Vận dụng (15p).**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +Tiếng nào chứa vần am - ăm - âm? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa am - ăm - âm theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| +Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 2 câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung câu văn. |  |
| +Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến? | - Tiếng ve râm ran báo hiệu mùa hè đến. |
| + Hoa sen nở vào mùa nào? | - Hoa sen nở vào mùa hè. |
| +Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?... | - Trên thảm cỏ ven hó, lũ trẻ đang nô đùa,.. |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **4.2.Nói theo tranh.** |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |
| + Tranh vẽ cảnh ở đâu? | - Tranh vẽ cành ở một khu rừng. |
| + Em nhìn thấy các con vật nào trong tranh? | - Có suối chảy phía trên là thác. |
| +Mỗi con vật đang làm gì? | - Trong tranh, có hai chú nai (đang cúi xuống uống nước), chú hươu đang đứng bên bờ suối, có cá đang bơi, có vài con chim đang bay. |
| + Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật? | - Nai sống trong rừng. Cá sống dưới nước. Chim sống trên trời. Các loài vật khác: hươu, khi, vượn, gấu, voi, hổ,.. sống trong rừng. Chó, mèo, để, lợn,.. nuôi trong nhà. Tôm, cua, ốc,.. sống dưới nước,...). |
| +Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết? | - HS kể theo vốn hiểu biết. |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện. Kể tên các con vật được nuôi trong nhà và giới thiệu với các bạn về một con vật trong số đó.  - Đại diện một nhóm trình bày |
| GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật. |  |
| - GV và HS nhận xét.  **\*Củng cố ,dặn dò :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm am - ăm - âm. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn:19/10/2021*

*Ngày giàng: Thứ tư ngày 27 tháng 10 năm 2021*

**Toán**

**Tiết 23: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10- 2 TIẾT ( Tiết 1)**

**I.Yêu cầu cần đạt**

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào

giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Biết đọc các số 1, 2, 3

**II. Đồ dùng dạy học**

**1.GV :** Bộ đồ dùng toán

**2. HS :** Bộ đồ dùng toán, vở bài tập toán

**III. Các hoạt động dạy và học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Hoạt động khởi động ( 5 p)  - GV yêu cầu học sinh chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 10 đã học. |  |
| 2. Hoạt động hình thành kiến thức ( 15 p)  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: 1 + 1= 2; 3 + 2 = 5; 4 + 3 = 7; 5 + 4 = 9; 6 + 4= 10;... | - HS thực hiện |
| ***-*** *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt. |  |
| - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng. | - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc tùng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vỉ 10.* |
|  | - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm kết quả (làm theo nhóm bàn). |
| - GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1. |  |
| Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2 |  |
| Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3. |  |
| ………………………………………  Dòng thứ chín được coi là Bảng cộng: Một số cộng 9.  - Cho học sinh đọc | - Đọc cá nhân, tổ , lớp |
| 3. Hoạt động thực hành, luyện tập ( 10 phút)  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm kết quả) điền vào vở BT | - HS thực hiện |
| - YC HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. | - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau; đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. |
| - GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. | - Thực hiện |
| \***Củng cố, dặn dò** ( 5 phút)  - Hôm nay các con học bài gì?  - Khuyến khích học sinh về nhà đọc và viết lại phép tính đã học vào bảng con  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS | - Trả lời  -HS lắng nghe  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**Tiếng việt**

**Tiết 85+86. ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN ( 2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

-Đọc: Nắm vững cách đọc các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Nghe và nói: Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Gà nâu và vịt xám. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kỹ năng: đánh giá sự việc có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn.

- Có ý thức giữ gìn, trân trọng tình bạn.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1. GV: Tranh SGK

2.HS: Bảng con.

**III.Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động Khởi động (5p)**  **1.1. Ôn và khởi động.**  - HS hát chơi trò chơi.  - HS viết: ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.  **-** Nhận xét | - Hs viết bảng con. |
| **2. Hoạt động Luyện tập (25p)**  **2.1.Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:** |  |
| - GV yêu cầu HS ghép âm đầu với các âm, vần để tạo thành tiếng (theo mẫu) | - Hs ghép và đọc CN – ĐT.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | m |  |  | n | | a | am |  | o | on | | ă | ăm |  | ô | ôn | | â | âm |  | ơ | ơn | |  |  |  | e | en | |  |  |  | ê | ên | |  |  |  | i | in | |  |  |  | u | un | |
| - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau. | - Hs ghép và đọc CN – ĐT. |
| **b. Đọc từ ngữ:** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng các từ trong SHS. | - HS đọc CN – ĐT các từ trong SGK. |
| - Giải thích từ ngữ (Nếu cần) |  |
| Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học. |  |
| **2.2.Đọc đoạn** |  |
| - GV lần lượt đọc mẫu câu. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm câu trong SHS. |
| +Tìm tiếng chứa âm các vần ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm? | - Các tiếng đó là: chậm, ôn tồn, hớn hở, tham, cần mẫn, hơn hẳn. |
| - Tổ chức đọc các câu văn. | - HS đọc thành tiếng sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV. |
| +Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 5 câu. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |
| +Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì? | - Thấy rủa, thỏ nói "Quả là chậm như rùa. |
| +Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chế? | - Khi bị thỏ chế, rùa vẫn ôn tồn, nhẹ nhàng, không tức giận. |
| + Câu nào cho thấy rùa có gắng để thi cùng thỏ? | - Ta thi nhé. |
| +) Kết quả cuộc thi thế nào? | - Kết quả, rùa thắng cuộc. |
| +) Em học được điều gì từ nhân vật rùa? | - Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác. |
| - Đọc lại câu văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **2.3. Viết.** |  |
| - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một. | - HS viết vào Tập viết 1, tập một cụm từ: sen nở thắm hồ.  Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS. |
| - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái, dấu thanh, khoảng cách giữa các con chữ. |  |
| - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi. |  |
| **TIẾT 2** | |
| **3. Hoạt động Vận dụng: Kể chuyện**  **3.1.Văn bản:** Gà nâu và vịt xám. |  |
| **3.2.GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện. | -Hs lắng nghe giáo viên kể chuyện. |
| Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. | - HS trả lời. |
|  | Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn. |
| 1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai? | - Gà nâu và vịt xám. |
| 2. Hằng ngày, đôi bạn gà nấu và vịt xám làm gì? | - Hằng ngày, chúng ríu rít vượt sông cạn để kiếm ăn. |
|  | Đoạn 2: Từ Một năm đến có mình rồi mà. |
| 3. Chuyện gì xảy ra khiến gà nâu không thể sang sông? | - Một năm, nước lớn, vịt vẫn sang sông được nhưng gà nâu thì đành chịu. |
| 4. Ai đã an ủi gà nâu lúc khó khăn? | - Cậu đừng lo, đã có mình rồi mà! |
|  | Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trở lại. |
| 5. Vịt đã giúp gà bằng cách nào? | Thế là ngày ngày, vịt lầm lùi tìm thức ăn mang về phần bạn. |
| 6. Vì sao gà nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn? | - Biết vịt chăm lo cho mình, gà cảm động lắm. Nhưng vốn ngại làm phiến, gà bèn nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn. |
|  | Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. |
| 7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì? | - Cậu vất vả quả. Việc ấp trứng, cứ để minh làm cho. |
| 8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng? | Thời gian trôi đi, lâu dần, vịt không còn nhớ tới việc ấp trứng nữa. |
| - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. |  |
| **3.3.HS kể chuyện:** |  |
| - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. | - Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. |
| - GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **\*Củng cố , dặn dò:**  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện. Ở tất cả các bài, truyện kể không nhất thiết phải đầy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | -Hs lắng nghe và thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ÔN LUYỆN TUẦN 8 ( 2 tiết)**

**Luyện đọc, luyện viết on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm**

**. Yêu cầu cần đạt:**

-Nắm vững cách đọc các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.

- Viết: Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học. **II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt. Vở ooly.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc: ( tiết 1)**  - GV ghi bảng.  on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm;  - Đọc các tiếng, từ câu có các vần trên  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết: ( tiết 2)**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  - Viết mỗi vần 1 dòng  on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.  - Viết từ con chồn, thờn bơn, lá sen, khăn len mỗi từ viết 1 dòng  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng việt**

**Tiết 87: om, ôm, ơm ( tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc : Nhận biết và đọc đúng vần om, ôm, ơm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần om, ôm, ơm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần vần om, ôm, ơm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần om, ôm, ơm. - Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần om, ôm, ơm có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết nhân vật bạn Hà, bạn Nam qua trang phục, đầu tóc) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: "Hương cốm",“Giỏ cam của Hà" và tranh minh hoạ "Xin lỗi”.

- Cảm nhận được tình cảm của gia đình, vẻ đẹp của đất nước.

**II. Đồ dùng dạy học:**

GV: Bảng con, tranh SGK

HS: Bộ đồ dùng TV,bảng con

**III. Hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động**  **1.1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ am - ăm - âm.  - Gv nhận xét, tuyên dương HS | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe |
| **1.2.Nhận biết** |  |
| **-** Yêu cầu HS quan sát tranh và TLCH | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| + Em thấy gì trong tranh? | - HS nêu những gì quan sát được. |
| +Cốm thường có vào mùa nào trong năm? |  |
| + Cốm làm từ hạt gì? Em ăn cốm bao giờ chưa? |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| + Tiếng có chứa âm om - ôm - ơm? | - HS nêu và đọc các tiếng: cốm, thơm, xóm. |
| - GV giới thiệu chữ ghi vần om - ôm - ơm. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **2**. **Hoạt động Khám phá (15p):Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **2.1. Đọc vần: om - ôm - ơm:** |  |
| - So sánh các vần: |  |
| + So sánh om - ôm - ơm? |  |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần ôm - ơm với om để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: o, ô, ơ. |
| -GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: om - ôm - ơm. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần om - ôm - ơm. |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **2.2. Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng xóm? | Lấy chữ ghi âm x ghép trước om, thêm dấu sắc trên âm o ta được tiếng xóm. |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SKG. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần om - ôm - ơm với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần om - ôm - ơm. |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời.  Khóm, vòm, nộm, tôm, bờm, rơm. |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **3. Hoạt động Luyện tập (15p)**  **3.1.Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| + Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Đom đóm, chó đốm, mâm cơm |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +Tiếng nào chứa vần: om - ôm - ơm? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần om - ôm - ơm, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **-** Đọc lại các tiếng, từ ngữ. | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **3.2.** **Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ: om - ôm - ơm và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng.  (GV lưu ý HS liên kết giữa nét của chữ o, ô, ơ với nét móc trong m và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS viết vào bảng con: om - ôm - ơm, đốm, cơm. |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. | - HS nhận xét. |
|  | |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Ngày soạn: 19/10/2021*

*Ngày giàng: Thứ năm ngày 28 tháng 10 năm 2021*

**Tiếng việt**

**Tiết 88: om, ôm, ơm ( tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc : Nhận biết và đọc đúng vần om, ôm, ơm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần om, ôm, ơm; hiểu và trả lời được các cầu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng vần vần om, ôm, ơm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần om, ôm, ơm. - Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần om, ôm, ơm có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi. Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết nhân vật bạn Hà, bạn Nam qua trang phục, đầu tóc) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: "Hương cốm",“Giỏ cam của Hà" và tranh minh hoạ "Xin lỗi”.

- Cảm nhận được tình cảm của gia đình, vẻ đẹp của đất nước.

**II. Đồ dùng dạy học:**

GV: Bảng con, tranh SGK

HS: Bộ đồ dùng TV,bảng con

**III. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2** | |
| **3.3.Viết vở. (15p)** |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài. | - HS tô, viết chữ: om - ôm - ơm, viết từ ngữ: chó đốm, mâm cơm chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |
| **4. Hoạt động Vận dụng (15 p)**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| + Tiếng nào chứa vần om - ôm - ơm? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa om - ôm - ơm theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| + Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 4 câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. Đồng thanh cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |
| + Cô Mơ cho Hà cái gì? | - Cô Mơ cho Hà giỏ cam. |
| + Theo em, tại sao mẹ khen Hà? | - Vì Hà là cô bé hiếu thảo, biết yêu thương bố mẹ |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN – ĐT. |
| **4.2.Nói theo tranh.** |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |
| +Tranh vẽ cảnh ở đâu? | - Phòng khách nhà Nam. |
| + Em nhìn thấy những gì trong tranh? | - Nam đang chơi đá bóng trong phòng khách. |
| + Điều gì xảy ra khi quả bóng rơi vào bàn? | - Lọ hoa bị đổ hoặc vỡ. |
| + Hãy thử hình dung tâm trạng của Nam khi gây ra sự việc. | - HS trả lời. |
| + Nam sẽ nói gì với mẹ? | - Nam xin lỗi mẹ. |
| + Em hãy đoán xem mẹ Nam sẽ nói gì ngay khi nhìn thấy sự việc? | - Nhắc nhở Nam không được đá bóng ở trong nhà. |
| + Theo em, Nam nên làm gì sau khi xin lỗi mẹ? | - Lau khô bàn, sàn nhà...) |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV có thể nhắc nhở HS cần có ý thức vui chơi ở những nơi phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến người khác hoặc gây nguy hiểm cho bản thân. |  |
| - GV và HS nhận xét.  **\*. Củng cố ,dặn dò:**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm om - ôm - ơm. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | - HS lắng nghe . |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiếng việt**

**Tiết 89+90: em, êm, im, um ( 2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng các vần em, êm, im, um; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần em, êm, im, um; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng các vần em, êm, im, um; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần em, êm, im, um.

-Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần em, êm, im, um có trong bài học. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Cuộc sống được gợi ý trong tranh Gìúp bạn.

Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết nhân vật bạn Hà qua trang phục, đầu tóc) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: Chị em Hà chơi trốn tìm; Chim sẻ, chim sơn ca, chim ri; Gìúp bạn.

- Chăm chỉ đọc bài.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Tranh SGK, bảng con

2.HS: Bộ đồ dùng TV,bảng con

**III.Các hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động (5p)**  **1.1. Ôn và khởi động**  - HS hát  - Tổ chức cho HS ôn và viết lại chữ:  om - ôm - ơm.  **-** GV nhận xét HS | - HS thực hiện. |
| **1.1. Nhận biết** |  |
| **-** Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi | - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: |
| + Em thấy gì trong tranh? | - HS nêu những gì quan sát được. |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh. | - Hs quan sát.  - Hs lắng nghe. |
| - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. |  |
| - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. | - HS đọc CN – ĐT câu văn phần nhận biết. |
| +Tiếng có chứa âm em - êm - im - um? | - HS nêu và đọc các tiếng: em, tìm, tủm, tỉm, đếm. |
| - GV giới thiệu chữ ghi vần em - êm - im - um. Ghi bảng. | - Hs quan sát. |
| **2. Hoạt động Khám phá (15p):Đọc vần, tiếng, từ ngữ:** |  |
| **2.1. Đọc vần: em - êm - im - um:** |  |
| - So sánh các vần: |  |
| + So sánh em - êm - im - um? | - |
| - GV yêu cầu HS so sánh vần êm - im - um với em để tìm ra điểm giống và khác nhau. | Giống nhau là đều có âm m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê, i, u. |
| -GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần. |  |
| - GV hướng dẫn HS đánh vần – đọc trơn: em - êm - im - um. Yêu cầu HS đọc lại. | - HS đọc ĐT – CN. |
| (GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai) |  |
| - Hướng dẫn ghép chữ cái tạo vần. | - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần em - êm - im - um. |
| - Tổ chức đọc. | - Đọc các vần vừa ghép. CN - ĐT |
| **2. 2.Đọc tiếng:** |  |
| *- Đọc tiếng mẫu:* |  |
| + Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng đếm? | Lấy chữ ghi âm đ ghép trước êm, thêm dấu sắc trên âm ê ta được tiếng đếm. |
| - Tổ chức đọc tiếng mẫu. GV quan sát uốn nắn. | - HS đánh vần – đọc trơn tiếng mẫu theo hình thức CN – ĐT. |
| - Đọc tiếng trong SHS: GV lần lượt đưa các tiếng trong SHS, yêu cầu HS đọc. | - HS đọc CN - ĐT: Đánh vần, đọc trơn lần lượt các tiếng trong SKG. |
| *- Ghép chữ cái tạo tiếng:* |  |
| - GV tổ chức cho HS ghép các vần em - êm - im - um với các phụ âm đã học kết hợp với dấu thanh để tạo thành các tiếng có nghĩa. | + HS tự tạo các tiếng có chứa vần em - êm - im - um. |
| - GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gì?)". | - HS trả lời.  Hẻm, kem, mềm, nếm, mỉm, tím, chụp, mũm. |
| - GV yêu cầu HS đọc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép. | - HS thực hiện. |
| - GV yêu cầu đọc trơn. | - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. |
| **3. Hoạt động Luyện tập (15p)**  **3.1.Đọc từ ngữ.** |  |
| - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ. | - HS quan sát. |
| +Tranh vẽ gì? | - HS lần lượt nói tên sự vật trong tranh.  Tem thư, thềm nhà, tủm tỉm. |
| - GV giới thiệu từ. (Giải thích nghĩa của từ). |  |
| +Tiếng nào chứa vần: em - êm - im - um? | - HS nêu các tiếng chứa vần vừa học. |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS phân tích và đánh vần các tiếng chứa vần em - êm - im - um, đọc trơn các từ theo yêu cầu. HS đọc CN - ĐT |
| **-** Đọc lại các tiếng, từ ngữ. | - HS đọc CN – ĐT tiếng, từ bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| **3.2.Viết bảng.** |  |
| - GV đưa mẫu chữ: em - êm - im - um và hướng dẫn HS quan sát. | - HS quan sát. |
| - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các chữ ghi vần và các chữ ghi tiếng. | - HS viết vào bảng con: em - êm - im - um, đốm, cơm. |
| - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. |  |
| - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS | - HS nhận xét. |
| **TIẾT 2** | |
| **3.3.Viết vở. (15p)** |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài.  (Lưu ý liên kết giữa nét của chữ e, ê, i, u với nét móc trong m và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS tô, viết chữ: em - êm - im - um, viết từ ngữ: chó đốm, mâm cơm chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |
| **4. Hoạt động Vận dụng (15p)**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| +Tiếng nào chứa vần em - êm - im - um? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa em - êm - im - um theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| + Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 4 câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |
| +Chim ri tìm gì về làm to? | - Tìm cỏ khô. |
| + Chim sẻ và sơn ca mang cái gì đến cho chim ri? | - Mang theo túm rơm. |
| + Chim ri làm gì để thể hiện tình cảm với hai bạn? | - Nói lời cảm ơn. |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN - ĐT |
| **4.2.Nói theo tranh.** |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |
|  | + Tranh 1: |
| + Em nhìn thấy những gì trong tranh? | - HS trả lời. |
| + Hai bạn giúp nhau việc gì? | - Bạn nữ cho bạn nam đi chung ô. |
| + Em đoán thử xem, bạn nhỏ sẽ nói gì khi được bạn cho đi chung ô? | - Nói lời cảm ơn. |
| +Em đã bao gìờ gìúp bạn việc gì chưa? |  |
|  | + Tranh 2: |
| +Em nhìn thấy những gì trong tranh? | - Bạn nhỏ cài giúp nơ. |
| +Bạn được đeo bờm có nơ sẽ nói gì với bạn của mình? | - Nói lời cảm ơn. |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện:  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp. |
| - GV có thể nhắc nhở HS cần nói lời cảm ơn khi được người khác giúp đỡ và phải biết giúp đỡ bạn những việc làm phù hợp. |  |
| - GV và HS nhận xét.  **\*. Củng cố, dặn dò :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm em - êm - im - um. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | - HS lắng nghe. |

TỰ NHIÊN XÃ HỘI

**BÀI 5. TRƯỜNG HỌC CỦA EM ( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên , địa chỉ của trường mình .

- Xác định được vị trí các khu vực , các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở trường học .

- Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ .

- Kể được tên các hoạt động chính ở trường học : nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .

- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ .

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về trường học , các thành viên và hoạt động trường học ,

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về trường học , hoạt động ở trường học .

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .

- Lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn khi ở trường . Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè , GV và các thành viên khác trong nhà trường .

.**II. CHUẨN BỊ:**

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .

-Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của trường học .

- Một số tình huống để HS thể hiện được tình cảm và cách ứng xử với thành viên trong nhà trường tốt nhất tình huống được thể hiện bằng kênh chữ và kênh hình ) .

- Giấy , bút màu , bản cam kết .

.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết 3. **Các thành viên trong nhà trường** | |
| KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI  **Hoạt động 5 : Thảo luận về các thành viên trong nhà trường**  \* Mục tiêu  - Nêu được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ .  - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong nhà trường . | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm 6*  *-*GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Kể tên các thành viên trong nhà trường .  + Nói về công việc của một số thành viên trong nhà trường .  + Em làm gì để thể hiện sự kính trọng và biết ơn các thầy giáo , cô giáo , các cô , bác nhân viên trong nhà trường ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV cùng HS nhận xét hoàn thiện câu trả lời . | - HS quan sát các hình ở trang 38 , 39 trong SGK và thực tế trường mình trả lời các câu hỏi  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.    **-**- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .  -Các thành viên trong nhà trường : Hiệu trưởng , hiệu phó , thầy / cô giáo , cô thư viện ( thủ thư ) , cô lao công , cô y tá , có tổng phụ trách Đội , bác bảo vệ , ... ; Cách thể hiện sự kính trọng , biết ơn các thành viên : chào hỏi khi gặp mặt , xưng hô lễ phép , giúp đỡ khi cần thiết , cố gắng học tập tốt , ... |
| **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  ***Hoạt động 6 : Chơi trò chơi “ Ai có thể giúp tôi ?* ”**  \* Mục tiêu  Đặt được câu hỏi nói về công việc của các thành viên trong nhà trường | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Hướng dẫn cách chơi*   * GV hướng dẫn cách chơi Mỗi cặp HS   Một HS đặt câu hỏi , một HS trả lời về công việc của các thành viên trong nhà trường . ( Ví dụ : HS 1 : Khi tôi muốn mượn sách ở thư viện , ai có thể giúp tôi ?; HS 2 : Bạn hãy đến gặp cô thư viện )  *Bước 2 : Tổ chức chơi trò chơi*  - GV gọi một số cặp HS lên chơi ( mỗi cặp sẽ phải hỏi và đáp vẽ hai thành viên )  Lưu ý : Các cặp HS sau không nói trùng ý với các cặp trước đó . .  *Bước 3 Nhận xét và đánh giá*  Cặp HS nào đoán đúng và trong thời gian ít nhất được khen thưởng .  - GV có thể nhận xét về cách đặt câu hỏi của HS . | -HS lắng nghe   * HS hỏi đáp theo cặp   -HS tham gia nhận xét |
| **Hoạt động 7 : Xử lí tình huống viên khác trong nhà trường** .  \* Mục tiêu  Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè , GV và các thành | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm 4*   * GV nêu tình huống ở phiếu * GV yêu cầu nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lí của nhóm .   *Btrớc 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS trình bày  .  - GV cùng HS nhận xét , hoàn thiện cách xử lý tình huống của từng nhóm . | -HS thảo luận nhóm  --Các thành viên chia sẻ thống nhất trong nhóm.  -Đại diện nhóm lên bảng đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống |
| **3. Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  -Lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn khi ở trường . Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè , GV và các thành viên khác trong nhà trường | - Lắng nghe |

*Ngày soạn: 19/10/2021*

*Ngày giảng: Thứ sáu ngày 29 tháng 10 năm 2021*

**Tiếng việt**

**Tiết 92: ai, ay, ây ( tiết 1 )**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc: Nhận biết và đọc đúng các vần ai, ay, ây; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ai, ay, ây; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết: Viết đúng các vần ai, ay, ấy; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần ai, ay, ây.

- Nói và nghe: Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần ai, ay, ây có trong bài học. Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi.Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người và loài vật (được nhân cách hoá).

- Cảm nhận được những điều thú vị trong đời sống của con người cũng như của loài vật được thể hiện trong tranh, từ đó biết trân trọng gìá trị cuộc sống.

**II.Đồ dùng dạy học:**

1.GV: Tranh SGK, bảng con

2.HS: Bộ đồ dùng TV,bảng con

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2** | |
| **3.3.Viết vở (15p)** |  |
| - GV hướng dẫn HS HS tô và viết chữ trong bài.  (Lưu ý liên kết giữa nét của chữ a, â với nét móc trong i - y và giữa khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). | - HS tô, viết chữ: ai - ay - ây, viết từ ngữ: chùm vải, đám mây chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. |
| - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS. | - HS nhận xét. |
| **4. Hoạt động Vận dụng**  **4.1.Đọc đoạn:** |  |
| - GV đọc mẫu cả đoạn. Yêu cầu HS đọc thầm. | - HS đọc thầm đoạn văn trong SGK. |
| + Tiếng nào chứa vần ai - ay - ây? | - HS tìm và nêu các tiếng chứa ai - ay - ây theo yêu cầu của GV. (Mỗi HS tìm 1 tiếng hoặc tất cả các tiếng) |
| - Tổ chức đọc các tiếng chứa vần vừa học. | - HS đọc CN – ĐT. |
| - Hướng dẫn xác định câu trong đoạn. | - HS quan sát, đếm số câu. |
| +Đoạn văn có mấy câu? | - Đoạn văn có 4 câu. |
| - Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc nối tiếp từng câu. ĐT cả đoạn. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |
| + Con vật mà nay con nhìn thấy có đặc điểm gì? | - Con vật bé, thân đầy gai. |
| + Em thử đoán xem nai con sẽ nói gì với mẹ? | - HS nói theo vốn hiểu biết. |
| + Nai mẹ nói gì với nai con? | - “Bạn nhím đấy, con ạ” |
| - Đọc lại đoạn văn. | - HS đọc CN – ĐT. |
| **4.2.Nói theo tranh.** |  |
| - Tổ chức quan sát tranh. |  |
| - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: | - HS quan sát tranh trong SHS TLCH: |
| + Tranh vẽ cảnh ở đâu? |  |
| + Trong tranh có những ai? | - Mẹ, Hà và một cô gái. |
| +Hà đang làm gì? | - Hà đang thả diều. |
| +Chuyện gì xảy ra? | - Hà mải thả diều, nên va phải cô gái. |
| + Theo em, Hà sẽ nói gì với người đó? | - Hà sẽ nói lời xin lỗi. |
| - Nhắc nhở HS cần biết xin lỗi những khi có lỗi với người khác. |  |
| - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm. | - HS thực hiện: Trao đổi, thảo luận, đóng vai tình huống.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp. |
| - GV và HS nhận xét.  **\*.Củng cố ,dặn dò :**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ai - ay - ây. Đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** *(Nếu có***):**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................